

Số: 02/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: tòa nhà V, số H L, phường L (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Hoàng L, chức danh: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý;

Người nhận uỷ quyền lại: ông Nguyễn Mạnh H, là Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C (nay là phường C), thành

phố Hà Nội.

- Công ty cổ phần M; địa chỉ: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Công T, chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T1, là Trưởng phòng Xử lý nợ miền B;

Người nhận ủy quyền lại: ông Nguyễn Đăng L1, là Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Đinh Ngọc T2, là Chuyên viên Xử lý nợ; bà Nguyễn Thị Minh T3, là Chuyên viên Xử lý nợ; ông Dương Kim C, là Chuyên viên Xử lý nợ; đều có địa chỉ tại: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: anh Hoàng Văn T4, sinh năm 1994 và chị Phùn Thị T5, sinh năm 2004; đều cư trú tại: thôn Đ, xã S, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: chị Hoàng Thị T6, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: theo Hợp đồng tín dụng số LN2308089935768, ngày 15/8/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Hoàng Văn T4, chị Phùn Thị T5; Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS ngày 31/5/2024, Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 06/2024/VPB-MARS mã số: PL01.2/HĐ ngày 31/5/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M thì anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải có nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 30/6/2025) số tiền là: 193.693.449 (một trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng; bao gồm: nợ gốc là 123.434.573 (một trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm bảy mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.318.400 (một triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm) đồng, nợ lãi quá hạn là 68.780.823 (sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi ba) đồng, nợ lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 159.653 (một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi ba) đồng.

- Anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 30/6/2025) số tiền là: 1.284.739.079 (một tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín) đồng; bao gồm: nợ gốc là 1.110.911.153 (một tỷ, một trăm mười triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm năm mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là: 11.865.596 (mười một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn,

năm trăm chín mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 160.525.455 (một trăm sáu mươi triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi lăm) đồng, nợ lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.436.875 (một triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

Anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 30/6/2025) số tiền là 193.693.449 (một trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2025, chậm nhất là ngày 30/8/2025.

Anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải trả Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 30/6/2025) số tiền là 1.284.739.079 (một tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2025, chậm nhất là ngày 30/8/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 30/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2308089935768, ngày 15/8/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T7 và anh Hoàng Văn T4, chị Phùn Thị T5 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền số tiền là: 193.693.449 (một trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V; số tiền là: 1.284.739.079 (một tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2025 cho Công ty cổ phần M, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 939m² đất, thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 09; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR166896, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH49956, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 20/7/2023; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: hộ bà La Thị S, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Quảng Ninh; ngày 20/7/2023, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận

biến động (bà La Thị S tặng cho anh Hoàng Văn T4) để thu hồi nợ; (theo hợp đồng thế chấp số LN2308089935768 ngày 14/8/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và anh Hoàng Văn T4).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M thì anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M.

2.7. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Công ty cổ phần M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Hoàng Văn T4 và chị Phùn Thị T5 tự nguyện chịu toàn bộ án phí, số tiền là: 28.176.488 (hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi tám) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 4.054.000 (bốn triệu, không trăm năm tư nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001736 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 24.515.000 (hai mươi bốn triệu, năm trăm mười lăm nghìn) đồng, tạm ứng án phí Công ty cổ phần M đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001813 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An

